

「子ども手当」の申請について

VỀ VIỆC LÀM ĐƠN XIN TIỀN TRỢ CẤP TRẺ EM

1 子ども手当は次のような場合に支給されます

1 Tiền trợ cấp trẻ em (Kodomo Teate) sẽ cấp cho trường hợp bên dưới

(1) 子ども手当制度とは？

2010年4月から、日本国内に住民登録をしている方、又は外国人登録をしている方で、支給対象となる子どもを自らの収入により育てている方に手当が支給されます。

ただし、在留資格が「短期滞在」「興行」の場合、又は在留資格の無い場合は支給対象外です。

(1) Chế độ Tiền trợ cấp trẻ em là gì?

Tiền trợ cấp trẻ em được cấp cho những người có đăng ký cư trú trong nước Nhật hoặc người nước ngoài có đăng ký từ tháng 4 năm 2010 hiện đang nuôi trẻ là đối tượng được cấp.

Tuy nhiên, đối với người có tư cách [Cư trú ngắn hạn], [Giải trí] hoặc không có tư cách cư trú thì không được cấp.

(2) 支給対象となる子ども

0歳から日本の中学校修了までに相当する年齢の子ども（15歳になった最初の3月31日まで）が対象になります。

(2) Những trẻ là đối tượng được cấp

Là những trẻ trong độ tuổi từ 0 tuổi cho đến học hết cấp 2 của Nhật (cho dù đã đủ 15 tuổi nhưng vẫn được cấp đến ngày 31 tháng 3 tới).

(3) 手当の金額

子ども1人につき 月額 13,000円が支給されます。

日本国内に住んでいる子どもだけではなく、海外に住んでいる子どもも対象となりますが、この場合には、2-(3)に記した証明等が別に必要になります。

(3) Số tiền cấp

Mỗi em được cấp là 13.000 yen/tháng

Đối tượng không chỉ là trẻ đang sống ở Nhật mà kể cả những trẻ đang sống ở ngoài Nhật. Về trường hợp này được ghi và giải thích ở phần 2-(3).

(4) 支給時期及び方法

毎年、年3回に分けて（6月、10月、2月）、前月までの4か月分の手当がまとめて、子どもを養育している方名義の口座に振り込まれます。

2010年の6月の支給については、4月から制度が始まったため、4月と5月分の2か月分になります。

(4) Thời điểm cấp và cách chi trả

Mỗi năm được chia trả làm 3 lần vào tháng 6, tháng 10 và tháng 2. Tính cho tới tháng trước đó và mỗi lần trả là phần của 4 tháng. Tiền sẽ được chuyển vào tài khoản của

người có trách nhiệm nuôi dạy đứa trẻ đó.

Chế độ đã được bắt đầu từ tháng 4 cho nên tháng 6/2010 sẽ được chi trả phần của 2 tháng 4 và 5.

2 子ども手当の支給を受けたい方は、申請が必要です

2 Nếu muốn nhận Tiền trợ cấp trẻ em thì cần phải làm đơn

(1) 子ども手当の支給を受けるためには、申請が必要です。手当を受けたい方は「子ども手当認定請求書」に必要なことを記入して市区町村の申請窓口申請してください。市区町村が申請内容を確認し、認定した場合に手当が支給されます。

A 「子ども手当認定請求書」は、4の申請窓口用紙が置いてあります。

B 「子ども手当認定請求書」は、郵送いたします。届かない場合は、4の申請窓口用紙が置いてあります。

(但し、2010年3月31日現在、児童手当を支給されていた方で、新たに子ども手当の対象となる子どもがない場合には、申請する必要はありませんが、6月に現況届の提出が必要になります。)

(1) Nếu muốn nhận Tiền trợ cấp trẻ em thì cần phải làm đơn. Người muốn nhận trợ cấp xin điền những điều cần thiết vào [Giấy xin chứng nhận trợ cấp trẻ em = Kodomo Teate Nintei Seikyusho] rồi nộp tại quầy đăng ký của thành phố, quận, thị trấn, làng. Ở đây sẽ xem xét nội dung và sau khi được chấp thuận, tiền sẽ được cấp.

A) Mẫu đơn [Giấy xin chứng nhận trợ cấp trẻ em] được để ở quầy đăng ký số 4.

B) [Giấy xin chứng nhận trợ cấp trẻ em] được gửi đến bằng đường bưu điện. Nếu không thấy gửi tới thì xin lấy mẫu đơn ở quầy đăng ký số 4.

(Tuy nhiên vào thời điểm 31/3/2010, nếu những người đang được nhận tiền trợ cấp nhi đồng và không có trẻ mới trở nên đối tượng nhận Tiền trợ cấp trẻ em thì không nhất thiết phải làm đơn nhưng vào tháng 6 cũng cần phải nộp bản trình bày hiện trạng.)

(2) 申請する時に「子ども手当認定請求書」と一緒に提出するもの

- ・ 申請する人の外国人登録証の写し
- ・ 申請する人の健康保険証（健康保険に入っている場合）の写し
- ・ 振り込み先の預金通帳の写し（申請者本人の口座に限ります）
- ・ その他、必要に応じて書類の提出を求められることがあります

(2) Khi làm đơn xin [Giấy xin chứng nhận trợ cấp trẻ em] cần phải nộp chung với

- ・ Bản sao Thẻ ngoại kiều của người làm đơn
- ・ Bản sao Thẻ bảo hiểm sức khỏe của người làm đơn (nếu có)
- ・ Bản sao Sổ tiết kiệm để họ chuyển tiền vào (tên chủ sổ phải là tên người làm đơn)
- ・ Ngoài ra, có khi sẽ bị yêu cầu nộp thêm hồ sơ cần thiết khác

(3) 海外にいる子どもの手当を申請する方は、上記の書類に加えて、次の書類と確認が必要になります。

- ・ 「日本国外に居住する子どもに係る監護及び生計に関する申立書」（申立書の様式は用意されています）

- ・ 公的機関による出生証明書（申請者と子どもとの続柄が証明できるもの）
- ・ 公的機関による居住証明書（来日前、子どもが申立書を提出する養育者と同居していたことを証明できるもの）
- ・ 上記の申立書及び証明書には、日本に住む第三者による日本語の訳文をつける必要があります。
- ・ 年に2回以上子どもと面会していることを確認できるパスポートの出入国記録
- ・ 4か月に1度くらいの割合で、子どもの生活費や学資などを継続して送金していることを確認できる銀行の送金通知等

(3) Đối với người làm đơn xin tiền trợ cấp này cho trẻ đang sống ở ngoài Nhật, thì cùng kèm với những giấy tờ trên còn cần phải có những giấy tờ sau.

- ・ [Tờ tường trình về sinh kế gia đình cùng với người giám hộ liên quan đến trẻ đang sống ở nước ngoài] (có mẫu sẵn)
- ・ Giấy khai sinh do cơ quan công chính cấp (là giấy có thể chứng nhận mối quan hệ thân thích giữa trẻ và người làm đơn)
- ・ Giấy chứng nhận cư trú do cơ quan công chính cấp (là giấy có thể chứng nhận là trước khi đến Nhật, đứa trẻ này đã cùng sống với người làm đơn)
- ・ Giấy chứng nhận hay tờ tường trình cần phải kèm bản dịch tiếng Nhật do người thứ 3 đang sống tại Nhật dịch.
- ・ Hộ chiếu của người làm đơn có ghi kỹ lục xuất nhập cảnh để chứng minh là mỗi năm có về nước thăm con trên 2 lần.
- ・ Biên lai hay kỹ lục chứng minh đã gửi tiền liên tục khoảng 4 tháng 1 lần để trả tiền học, tiền sinh hoạt .v.v... cho đứa trẻ này.

(4) 6月に支給を受けたい方は、○月△日までに申請をしてください。

(4) Nếu muốn được cấp vào tháng 6, xin làm đơn đến trước ngày △[=日付数字] tháng ○[=月の数字].

(5) 2010年については、9月30日までに申請をすれば、4月分からの支給が受けられます。

(5) Về năm 2010, nếu làm đơn trước ngày 30 tháng 9 thì sẽ được cấp tiền kể từ tháng 4 trở đi.

(6) 4月1日より後に子どもが生まれた方や、日本に来日した方は、申請月の翌月分から支給されますので、出生あるいは来日後速やかに申請してください。

(6) Đối với trẻ sinh sau ngày 1 tháng 4 hoặc tới Nhật sau ngày này, nếu làm đơn thì sẽ được cấp tính từ tháng kể đó; vì thế sau khi sinh con hay sau khi tới Nhật nên mau chóng làm đơn.

3 お願い

3 Những yêu cầu

次のような場合には手続きが必要です

- ・ 住所が変わったとき（他の市区町村に転居した場合、新しい住所の市区町村で、改め

て子ども手当の申請が必要です。)

- 本人又は、対象のお子さんが出国するとき
- 子どもを養育しなくなったとき
- 子どもと別居するとき
- 出生や死亡などで、子ども手当支給の対象となる子どもの数が変わったとき
- 振込先の口座を変更するとき（新しい振込先は、申請者本人の口座に限ります。）

Những trường hợp như sau cần phải khai báo

- Khi đổi địa chỉ (nếu đổi qua thành phố, quận, thị trấn, làng khác thì cần phải làm lại đơn xin Tiền trợ cấp trẻ em tại nơi ở mới)
- Khi đương sự hoặc đứa trẻ được cấp phải xuất cảnh
- Khi không còn nuôi dạy trẻ nữa
- Khi sống tách biệt với trẻ
- Khi số con là đối tượng trợ cấp có thay đổi vì sinh sản, tử vong .v.v...
- Khi có thay đổi sổ tài khoản (tên chủ sổ tài khoản mới cũng phải là tên của người làm đơn)

4 問い合わせ先（申請窓口）

4 Nơi liên lạc (quầy làm đơn)